

Quản lý rủi ro thị trường - những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam

TRẦN ANH THIẾT

Hoạt động ngân hàng vốn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, trong đó nổi bật là rủi ro thị trường xuất phát từ các yếu tố bên ngoài (như lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa), nhưng ngân hàng không thể làm thay đổi các yếu tố này, mà chỉ có thể sử dụng công cụ quản lý để cảnh báo và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra làm giảm giá trị tài sản của ngân hàng. Các ngân hàng thương mại Việt Nam, do mới chuyển sang kinh doanh theo cơ chế thị trường, nên rủi ro thị trường tiềm ẩn khá cao. Làm thế nào để có thể giảm thiểu rủi ro này? Bài viết giới thiệu tổng quan rủi ro thị trường, kinh nghiệm quản lý rủi ro thị trường và vấn đề đặt ra đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam trong quản lý rủi ro thị trường.

1. Những vấn đề chung về quản lý rủi ro thị trường

1.1. Quan niệm về rủi ro thị trường

Có thể hiểu rủi ro thị trường (RRTT) là loại rủi ro xảy ra trong kinh doanh của ngân hàng thương mại (NHTM) do những biến động về giá thị trường và/hoặc các thông số thị trường. Các thông số chính bao gồm: giá cổ phần, đường cong lợi suất, tỷ giá hối đoái, độ biến động giá và các hệ số tương quan.

RRTT được xác định là những tổn thất tiềm ẩn trong trạng thái nội ngoại bảng, trên sổ sách của một định chế, RRTT là kết quả của sự thay đổi các mức giá thị trường (theo Basel (1)).

Thông thường, RRTT được sinh ra bởi những hình thái khác của rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh khoản thị trường và rủi ro tín dụng. Ví dụ, việc đánh giá thấp định hạng tín dụng của một nhà phát hành có thể dẫn đến việc sụt giảm giá chứng khoán của nhà phát hành đó. Tương tự như vậy, việc bán ra một lượng lớn chứng khoán tương đối không có tính thanh khoản bởi một cổ đông có thể dẫn đến giảm giá chứng khoán đó.

1.2. Đặc điểm của rủi ro thị trường

RRTT xảy ra do những yếu tố khách quan, bên ngoài ngân hàng, ngân hàng không thể tác động làm thay đổi chiều hướng biến động mà chỉ có thể dự báo xu hướng, tính toán mức độ ảnh hưởng để từ đó đưa ra các biện pháp chủ động điều chỉnh quy mô, cơ cấu tài sản có rủi ro sao cho hạn chế thấp nhất tổn thất có thể xảy ra, đồng thời tận dụng cơ hội kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận.

RRTT xảy ra trên nhiều lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Đặc biệt trong hoạt động huy động vốn, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán... RRTT có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngân hàng, do hầu hết các khoản mục trên bảng cân đối của ngân hàng đều có liên quan đến các thông số của thị trường. Mức độ ảnh hưởng của RRTT phụ thuộc vào qui mô, cơ cấu, tính chất của tài sản nợ và có của ngân hàng.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của thị trường tài chính trên toàn cầu và sự phát

Trần Anh Thiết, ThS., Ngân hàng Đại Dương (OCEANBANK).

triển đa dạng của các sản phẩm ngân hàng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh vốn thì tổn thất về RRTT cũng có xu hướng ngày càng tăng.

1.3. Các yếu tố cấu thành rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là mức tổn thất giá trị tài sản ngân hàng có khả năng xảy ra khi lãi suất thay đổi ngoài dự tính. Lãi suất thay đổi ngoài dự tính tác động đến các khoản mục tài sản có và tài sản nợ có thể gây tổn thất cho ngân hàng. Rủi ro lãi suất có thể xảy ra trên các khía cạnh: rủi ro do biến động lãi suất của một đồng tiền; rủi ro chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền. Rủi ro lãi suất xảy ra do các nguyên nhân:

(i) Rủi ro định giá lại (repricing risk) phát sinh từ chênh lệch giữa tài sản có và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất. Độ chênh lệch tài sản có và tài sản nợ của cùng một kỳ hạn sẽ dẫn đến lợi ích/tổn thất đối với giá trị tài sản ngân hàng khi lãi suất thay đổi. Ngoài ra, rủi ro định giá còn do chênh lệch giữa thời điểm lãi suất thay đổi và thời gian đến hạn của luồng tiền.

(ii) Rủi ro đường cong doanh lợi (yield curve risk): là rủi ro mà sự thay đổi lãi suất thị trường có tác động khác nhau lên cùng một công cụ tài chính với kỳ hạn khác nhau.

(iii) Rủi ro cơ bản: là rủi ro phát sinh khi tài sản có và tài sản nợ có phản ứng khác nhau khi lãi suất thay đổi mặc dù có cùng kỳ định giá lại, hoặc do thay đổi mối quan hệ lãi suất giữa các đường cong doanh lợi khác nhau có ảnh hưởng đến các hoạt động của ngân hàng.

Rủi ro ngoại hối: là mức tổn thất giá trị tài sản ngân hàng có khả năng xảy ra do sự biến động bất thường của tỷ giá hối đoái. Nói cách khác, rủi ro ngoại hối là rủi ro hiện tại, hoặc tiềm tàng đối với thu nhập hoặc vốn của ngân hàng, xuất phát từ sự thay đổi trong tỷ giá. Rủi ro ngoại hối xảy ra do trạng thái ngoại tệ của ngân hàng không phù hợp với xu hướng biến động của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro chứng khoán: là rủi ro xảy ra với vốn hoặc thu nhập của ngân hàng phát sinh từ những biến động bất lợi trong giá trị chứng khoán mà ngân hàng đang nắm giữ. Rủi ro chứng khoán có thể mang tính hệ thống hoặc không mang tính hệ thống. Rủi ro mang tính hệ thống là sự nhạy cảm của danh mục đầu tư với những thay đổi tổng thể giá chứng khoán. Còn rủi ro không mang tính hệ thống là sự biến động giá do các đặc tính của chính chứng khoán đó.

Rủi ro giá hàng hóa: là rủi ro phát sinh do việc biến động giá các hàng hóa tương lai do ngân hàng nắm giữ trạng thái. Rủi ro giá hàng hóa xảy ra khi ngân hàng có tham gia đầu cơ, nắm giữ trạng thái trên thị trường hàng hóa tương lai và xu hướng biến động của hàng hóa đó không phù hợp với trạng thái mà ngân hàng nắm giữ.

1.4. Quản lý rủi ro thị trường

Là quá trình ngân hàng thông qua bộ máy và công cụ quản lý tác động tới vị trí cơ cấu tài sản trong và ngoài bảng cân đối tài sản của ngân hàng để đảm bảo ngăn ngừa, hạn chế rủi ro mà một ngân hàng phải đối mặt, không gây nên những bất lợi quá lớn đối với tình hình tài chính của ngân hàng.

• Các nguyên tắc quản lý RRTT

Quản lý RRTT phải tuân thủ các nguyên tắc chung của quản lý rủi ro:

(i) Phải sáng tạo giá trị, làm gia tăng giá trị cho ngân hàng;

(ii) Cần mang tính hệ thống và cấu trúc;

(iii) Phải được dựa trên một hệ thống thông tin tốt nhất có sẵn;

(iv) Phải được thiết kế phù hợp với đặc điểm của từng tổ chức;

(v) Cần xem xét các nhân tố liên quan đến con người;

(vi) Phải minh bạch và bao quát;

(vii) Phải năng động, linh hoạt và đáp ứng nhanh chóng với những thay đổi;

(viii) Phải thường xuyên được cải tiến và thay đổi phù hợp với hoạt động kinh doanh.

• Quy trình quản lý RRTT

Để quản lý RRTT đạt hiệu quả cao, thì cần phải tuân thủ các bước:

Nhận diện rủi ro (risk identification): mục đích là nhằm xác định các loại rủi ro và đặc tính của từng loại rủi ro mà ngân hàng đang phải đối mặt. Nhận diện rủi ro dựa trên các căn cứ như đặc điểm hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đặc tính của sản phẩm, mục tiêu hoạt động của ngân hàng. Ngoài ra còn có thể nhận diện rủi ro thông qua phân tích ngữ cảnh, các mục tiêu hoạt động mà ngân hàng cần đạt được.

Đo lường rủi ro (risk measurement): nhằm mục đích lượng hóa mức độ ảnh hưởng của rủi ro đó đến thu nhập/vốn của ngân hàng. Đây là một khâu rất quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro; nếu như ngân hàng không đo lường được rủi ro thì cũng sẽ không thể kiểm soát được nó.

Kiểm soát rủi ro (risk monitoring): sau khi đã đo lường được rủi ro, căn cứ trên mức độ ưa thích rủi ro của ngân hàng, ngân hàng xác định hạn mức cho từng loại rủi ro. Dựa trên các hạn mức đó, bộ phận quản lý rủi ro và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ hạn mức rủi ro đã xác lập. Đây chính là quá trình kiểm soát rủi ro nhằm đảm bảo rủi ro của ngân hàng luôn nằm trong các giới hạn đã được phê duyệt.

Loại bỏ rủi ro (risk mitigation): là quá trình ngân hàng dùng các biện pháp nghiệp vụ để ngăn chặn không cho rủi ro đó lặp lại. Tuy nhiên, khác với rủi ro tín dụng hay tác nghiệp, RRTT là các yếu tố xảy ra bên ngoài ngân hàng, ngân hàng không thể loại bỏ được mà chỉ có thể sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để giảm thiểu tác động của nó đến kết quả hoạt động của ngân hàng.

• Công cụ quản lý RRTT:

(1). Quản lý RRTT bằng kỹ thuật VAR.

Đây là công cụ phổ biến được dùng ở hầu hết các ngân hàng lớn trên thế giới.

Theo BIS (Ngân hàng Thanh toán quốc tế), thì VAR là một kỹ thuật thống kê nhằm ước lượng mức tổn thất tối đa (với một xác suất nào đó) đối với một danh mục đầu tư tài sản của ngân hàng trong một khoảng thời gian nhất định. VAR là phương pháp được sử dụng để tính toán RRTT, nó chỉ ra mức lỗ tiềm năng được kỳ vọng không vượt quá một phần trăm nhất định trên số ngày giao dịch. Các phương pháp tính VAR:

Phương pháp phương sai hiệp phương sai (phương pháp thông số): phương pháp này được xây dựng dựa trên giả thuyết rằng: tập hợp giá và phân phối lợi nhuận của danh mục đầu tư là phân phối chuẩn. Theo phương pháp này, VAR là một hàm số của ma trận phương sai hiệp phương sai của giá thị trường và mức độ biến đổi về giá của danh mục đầu tư.

Phương pháp mô phỏng lịch sử: phương pháp này sử dụng những dữ liệu lịch sử để xây dựng giá trị chịu rủi ro VAR và không cần có giả định nào về phân phối thống kê. Việc tính toán được thực hiện thông qua 2 bước: tính toán sự thay đổi về giá trị danh mục đầu tư hiện tại bằng số liệu về giá của 250 ngày quan sát trong quá khứ; sắp xếp 250 giá trị thay đổi về giá trị danh mục đầu tư theo thứ tự giảm dần rồi sử dụng một độ tin cậy nhất định để lựa chọn giá trị VAR.

Phương pháp mô phỏng Monte Carlo: phương pháp này mô phỏng sự thay đổi giá trị danh mục đầu tư dựa trên số lượng lớn những biến động ngẫu nhiên về giá được dự đoán trong tương lai. Một cách tổng quát, phương pháp này bao gồm những bước như sau: lựa chọn một mô hình thống kê và ước lượng các tham số của mô hình; mô phỏng dựa vào số lượng lớn các giá trị ngẫu nhiên lấy từ mô hình thống kê ước lượng; danh mục đầu tư được định giá lại đối với mỗi sự thay đổi về giá và sự thay đổi về giá trị danh mục đầu tư. Tương tự như phương pháp mô phỏng lịch sử, những biến động về giá trị danh mục đầu tư này được sắp xếp theo thứ tự giảm dần và giá trị VAR được xác định tại mỗi độ

tin cậy. Kỹ thuật VAR có thể dùng để đánh giá các RRTT khác nhau dựa trên một nền tảng chung, là công cụ đo lường tổn thất từ RRTT hiệu quả. Qua đó, VAR cũng giúp so sánh và tổng hợp rủi ro của các công cụ tài chính, các thị trường khác nhau. Tuy nhiên nó có nhược điểm là: *cả ba phương pháp đều chịu tác động của những thay đổi cơ chế, hoặc những thay đổi đột ngột của hành vi thị trường*. Do vậy, khi sử dụng VAR phải kết hợp với việc thử nghiệm khủng hoảng (stress testing) để dự đoán được mức độ tổn thất trong điều kiện thị trường có biến động bất thường, góp phần giải quyết vấn đề “đuôi béo” (fat tail). Ngoài ra, do các phương pháp và mô hình khác nhau sẽ cho những kết quả khác nhau tương đối, nên phải thường xuyên kiểm nghiệm lại tính chính xác của mô hình đang sử dụng thông qua kiểm nghiệm giả thuyết (back testing).

(2). Các công cụ khác:

Đôi với rủi ro lãi suất: các công cụ thường được sử dụng là khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất, thu nhập ròng từ lãi (NII-net interest income), đo lường độ nhạy DVO1 (dollar value per basic point)...

Đôi với rủi ro ngoại hối: công cụ thường dùng bên cạnh VAR là trạng thái ngoại tệ cho từng loại tiền và cả danh mục theo số tuyệt đối hoặc tương đối, quy định loại tiền giao dịch.

Đôi với rủi ro giá chứng khoán: phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật.

Đôi với rủi ro giá hàng hóa: trạng thái đầu cơ tối đa, loại hàng hóa thực hiện giao dịch...

• Xác lập hạn mức cho RRTT.

RRTT được quản lý thông qua việc xác lập và kiểm soát các hạn mức rủi ro.

Tổng hạn mức của các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động tạo thành mức chấp nhận rủi ro của ngân hàng, theo đó, hạn mức VAR cho RRTT có thể được xác định theo phương pháp từ dưới lên (bottom-up) hoặc từ trên xuống (top-down).

(i) *Phương pháp từ dưới lên.* Trên cơ sở số liệu VAR thống kê trong quá khứ, kế hoạch kinh doanh trong kỳ, diễn biến thị trường trong quá khứ và dự đoán trong tương lai, bộ phận quản lý RRTT đề xuất hạn mức VAR cho từng loại hình rủi ro của từng sở. Cộng tổng các hạn mức VAR này sẽ ra hạn mức VAR cho RRTT. Bằng phương pháp tương tự, ta xác lập được hạn mức rủi ro tín dụng và hoạt động. Sau khi đã có hạn mức của 3 loại rủi ro này, cộng tổng lại sẽ ra mức chấp nhận rủi ro của ngân hàng.

(ii) *Phương pháp từ trên xuống.* Hội đồng quản trị là người quyết định mức chấp nhận rủi ro của cả ngân hàng. Trên cơ sở mức chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt, sẽ tiến hành phân bổ hạn mức cho 3 loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Sau khi đã có hạn mức cho RRTT, bộ phận quản lý RRTT sẽ thực hiện phân bổ cho từng loại RRTT của từng sở căn cứ trên số liệu thống kê, kế hoạch kinh doanh và phân tích diễn biến thị trường.

2. Kinh nghiệm về quản lý rủi ro thị trường của một số định chế tài chính quốc tế.

2.1. Quản lý rủi ro thị trường tại JP Morgan Chase Hongkong

JP Morgan Chase là một những ngân hàng lâu đời nhất trên thế giới, hiện là ngân hàng hàng đầu của Mỹ với các mảng hoạt động chính là: đầu tư (investment bank), dịch vụ về chứng khoán và vốn (treasury and securities services), quản lý tài sản (asset and wealth management), dịch vụ tài chính bán lẻ (retail financial services), dịch vụ thẻ (card services) và ngân hàng thương mại (commercial bank). Trong đó, JP Morgan Chase Hongkong là chi nhánh chuyên về chứng khoán (worldwide securities services), cung cấp các dịch vụ: quản lý khu vực, quản lý mạng lưới, quản lý bán hàng và quan hệ, dịch vụ khách hàng, cho vay chứng khoán.

Quản lý RRTT tại Ngân hàng JP Morgan Chase Hongkong là một bộ phận độc lập với các đơn vị kinh doanh, chịu sự quản lý của

một Chief Risk Officer (thành viên Ban lãnh đạo). Trong quản lý RRTT chia ra làm 2 bộ phận:

(i) *Bộ phận quản lý RRTT* (Market Risk Management-MRM). Bộ phận này được chia thành các nhóm theo từng đơn vị kinh doanh, có thể được hiểu là nhóm quản lý rủi ro lãi suất, nhóm quản lý rủi ro ngoại hối...; chức năng chính là: đo lường, giám sát và quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng, kiểm soát hạn mức; phối hợp với các bộ phận khác (bao gồm cả FO) thực hiện thử nghiệm khủng hoảng; đánh giá các nhân tố RRTT của sản phẩm mới.

(ii) *Bộ phận dịch vụ quản lý rủi ro*. Bộ phận này có nhiệm vụ xây dựng chính sách quản lý RRTT, thực hiện báo cáo tuân thủ hạn mức, thu thập và phân tích các thông tin liên quan đến RRTT.

JP Morgan sử dụng các công cụ đo lường rủi ro chính là VAR (sử dụng phương pháp tham số) và thử nghiệm khủng hoảng. Ngoài ra còn sử dụng một số công cụ phi thống kê khác như: xem xét và phân tích trạng thái kinh doanh hiện thời của ngân hàng; những phân tích này mang tính chủ quan, dựa trên kinh nghiệm và kỹ năng của từng cán bộ làm quản lý rủi ro. Ngoài ra, quản lý RRTT thực hiện nghiên cứu, phân tích thị trường, xem xét trạng thái rủi ro hàng ngày và đưa ra những nhận định, dự báo phục vụ cho công tác quản lý rủi ro.

Quản lý RRTT cũng thực hiện kiểm soát rủi ro thông qua việc đối chiếu, báo cáo tuân thủ hạn mức, báo cáo lên trưởng bộ phận quản lý RRTT và trưởng bộ phận quản lý rủi ro. Trong đó, báo cáo tuân thủ hạn mức VAR được thực hiện hàng ngày, báo cáo thử nghiệm khủng hoảng được thực hiện hàng tháng.

Tại JP Morgan, bên cạnh quản lý RRTT thì còn có bộ phận MO (Middle Office), là bộ phận kiểm tra việc thực thi các chế độ chính sách của các bộ phận FO (Front office) do quản lý RRTT đưa ra. MO là người xây dựng và kiểm soát việc thực hiện các quy

trình kinh doanh trực tiếp; quản lý hạn mức giao dịch viên, hạn mức cắt lỗ... Trước đây bộ phận MO trực thuộc bộ phận quản lý rủi ro. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển và lớn mạnh của ngân hàng và độ phức tạp của sản phẩm, bộ phận này được tách riêng ra để thực hiện việc hỗ trợ và kiểm soát hàng ngày đối với các hoạt động kinh doanh. MO được phân cấp theo từng khu vực: MO trung ương đặt tại New York, dưới đó là MO của từng khu vực và sau đó là MO của từng chi nhánh trong khu vực. Tại từng chi nhánh, MO sẽ được chia ra để tác nghiệp cho từng dòng sản phẩm, hoạt động riêng biệt và độc lập, không trao đổi những thông tin với nhau mà báo cáo theo ngành dọc lên các MO cấp cao hơn.

2.2. Quản lý rủi ro thị trường tại Rabobank

Rabobank là ngân hàng khá lớn của Hà Lan có lịch sử hơn 100 năm. Ngân hàng có mạng lưới tương đối rộng khắp trên toàn cầu và cung cấp đầy đủ các dịch vụ tài chính. Rabobank liên tục được Moody's và Standard & Poor's xếp hạng AAA, là ngân hàng hoạt động khá ổn định và chắc chắn. Xét về quy mô vốn cấp 1 thì Rabobank nằm trong danh sách 15 định chế tài chính lớn nhất trên thế giới.

Quản lý RRTT tại Rabobank cũng được tổ chức thành một bộ phận độc lập, báo cáo theo chiều dọc lên quản lý RRTT khu vực và toàn cầu. Trong đó, quản lý RRTT được tách làm 3 nhóm chuyên biệt là nhóm quản lý RRTT (MRM unit), nhóm chính sách và hỗ trợ RRTT (Market risk – policies and support unit), nhóm phương pháp và công cụ đo lường RRTT (tools and methodology unit).

Chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm:

(i) *Nhóm quản lý RRTT*: có trách nhiệm cung cấp thông tin cho trưởng bộ phận quản lý RRTT và các đơn vị quản lý có liên quan, thực hiện chức năng quản lý RRTT hàng ngày. Các nhiệm vụ chính là đảm bảo việc tuân thủ với chính sách RRTT bao gồm việc kiểm soát và báo cáo hàng ngày mức độ tổn

thất rủi ro so với hạn mức đã đề ra, báo cáo VAR, thử nghiệm khủng hoảng; trao đổi về các trường hợp vượt hạn mức với người quản lý giao dịch để phối hợp với trưởng bộ phận quản lý RRTT và tư vấn cách thứ giảm mức độ tổn thất; đảm bảo rằng các thông tin về RRTT là đầy đủ, chính xác và được phản ánh đúng trong các báo cáo hàng ngày hoặc định kỳ; thực hiện việc phân tích ngữ cảnh bất thường và thường xuyên để đánh giá tác động tiềm tàng của những thay đổi có thể xảy ra trong các thị trường khác nhau đến trạng thái giao dịch của ngân hàng.

(ii) *Nhóm chính sách và hỗ trợ RRTT.* Nhiệm vụ chính của nhóm này là đưa ra các biện pháp hỗ trợ về mặt kỹ thuật và hành chính cho bộ phận quản lý RRTT thực thi trách nhiệm của mình. Cụ thể, nhóm chính sách và hỗ trợ RRTT có nhiệm vụ: xác định, soạn thảo, duy trì chính sách và các quy trình RRTT; đồng thời giải trình, trình phê duyệt các chính sách và quy trình này lên trưởng bộ phận quản lý RRTT; phối hợp với trưởng bộ phận quản lý RRTT kiểm soát tính hiệu quả của các chính sách và quy trình quản lý RRTT, định kỳ rà soát tính đầy đủ của chúng; báo cáo lên trưởng bộ phận quản lý RRTT khi các chính sách, quy trình và những hướng dẫn quản lý RRTT có kê hở; lưu giữ các tài liệu nội bộ liên quan đến phương pháp tính VAR và các mô hình rủi ro khác; xác định, thu thập và kiểm soát các số liệu được sử dụng trong tính VAR hoặc cho các mục đích khác...

(iii) *Nhóm chuyên về phương pháp và công cụ quản lý RRTT.* Nhóm này có nhiệm vụ chuyên nghiên cứu phát triển công cụ đo lường và các phương pháp quản lý RRTT; đồng thời rà soát phương pháp và công cụ đang được sử dụng hiện tại, đưa ra những hạn chế và đề xuất biện pháp cải thiện.

Công cụ quản lý RRTT chính được Rabobank sử dụng là VAR. Để tính VAR, ngân hàng này sử dụng phương pháp lịch sử. RRTT được quản lý thông qua việc thiết lập các hạn mức RRTT, trong đó, VAR được coi là hạn mức “cứng” (hard limits), không

thể bị phá vỡ. Bên cạnh đó còn có một số các hạn mức “mềm” khác (soft limits) như hạn mức DVO1 đối với rủi ro lãi suất, hạn mức về trạng thái ngoại tệ đối với rủi ro ngoại hối...

1.3. Quản lý rủi ro thị trường của Cơ quan Tiền tệ Singapore

Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS monetary authority of Singapore) đưa ra các khuyến nghị hướng dẫn các định chế tài chính của Singapore trong việc quản lý RRTT như sau:

(i) *Phải xây dựng được một chiến lược quản lý RRTT.* Các căn cứ xây dựng chiến lược quản lý RRTT là: điều kiện kinh tế, thị trường và những ảnh hưởng đến RRTT; xác định khả năng của định chế trong việc thu lợi nhuận tốt và khả năng quản lý, kiểm soát RRTT trong những thị trường này hay không; sự đa dạng hóa trong danh mục đầu tư của định chế.

(ii) *Xây dựng chính sách, quy trình, mô hình và phương pháp quản lý RRTT phù hợp:*

Về mô hình quản lý RRTT. Cơ quan này cho rằng các định chế nên thiết lập một đơn vị quản lý rủi ro độc lập với các bên, có trách nhiệm đề ra những chính sách quản lý rủi ro, thiết lập những trình tự thủ tục để nhận diện RRTT, đo lường và đánh giá, theo dõi sự đồng thuận của các định chế đối với việc thiết lập những chính sách và hạn mức RRTT. Quản lý RRTT cần được tách biệt và độc lập trách nhiệm của nhân sự có chức năng quản lý rủi ro với nhân sự tạo ra trạng thái rủi ro, từ cấp thấp đến cấp cao của định chế. Phụ thuộc vào quy mô và sự phức tạp trong các hoạt động kinh doanh của định chế, đơn vị quản lý rủi ro có thể là một bộ phận của hệ thống hoặc là một đơn vị tuân thủ. Ngoài ra, hệ thống quản lý rủi ro nên tương xứng với quy mô hoạt động kinh doanh của định chế và những RRTT được giả định. Hệ thống này cũng nên đưa ra mức độ tổn thất RRTT một cách đa dạng để xác định, đo lường, quản lý và kiểm soát được

tổn thất RRTT một cách chính xác và cụ thể. Những rủi ro chính cần được đo lường và cộng hợp lại cho toàn bộ định chế trong phạm vi đầy đủ nhất có thể. Tối thiểu, hệ thống quản lý rủi ro nên có khả năng xác định số lượng những tổn thất và giám sát được những thay đổi trên thị trường và các yếu tố giá cả cơ bản hàng ngày.

Về phương pháp quản lý RRTT. Cơ quan này khuyến cáo các định chế cần phải sử dụng các hệ thống và mô hình có ứng dụng những khái niệm tài chính và kỹ thuật đo lường RRTT được thừa nhận rộng rãi. Cụ thể với từng loại hình rủi ro như sau:

+ *Rủi ro lãi suất.* Đối với mỗi loại tiền tệ nên được tính toán một cách riêng biệt, mặc dù đường cong lợi suất (theo phương pháp xây dựng và phân phối) được sử dụng kết hợp đối với nhiều loại tiền tệ khác nhau. Đo lường rủi ro lãi suất cần kết hợp chặt chẽ với rủi ro định giá lại, rủi ro đường cong lợi suất (nảy sinh từ sự thay đổi mối quan hệ tỷ giá giữa những đường cong lợi suất có ảnh hưởng đến các hoạt động của định chế) và đánh giá sự ảnh hưởng tới lợi nhuận, giá trị kinh tế của định chế.

+ *Rủi ro chứng khoán.* Nên có sự tách biệt các yếu tố rủi ro ứng với mỗi loại thị trường chứng khoán mà tại đó định chế có nhiều trạng thái khác nhau. Việc đo lường rủi ro chứng khoán của định chế nên theo sát tổn thất đối với sự biến động giá trên toàn bộ thị trường chứng khoán, với những lĩnh vực đặc biệt của thị trường chứng khoán (ví dụ các ngành công nghiệp hay các ngành hoạt động theo chu kỳ hoặc không theo chu kỳ), và/hoặc với những nhà phát hành chứng khoán riêng lẻ.

+ *Rủi ro ngoại hối.* Nên có sự quản lý rủi ro đối với từng loại ngoại tệ khác nhau. Rủi ro tỷ giá của đồng tiền trong nước với mỗi loại ngoại tệ khác cũng nên được giám sát. Các định chế tham gia kinh doanh mua bán ngoại tệ không chuyển đổi nên biết những đặc điểm rủi ro cá biệt của những loại tiền tệ đó, đặc biệt là tính thanh khoản,

các rủi ro về lịch ngày thanh toán và những giới hạn áp đặt có liên quan.

+ *Rủi ro giá hàng hóa.* Cộng với việc nảy sinh rủi ro trực tiếp từ sự thay đổi giá giao ngay, việc đo lường rủi ro hàng hóa nên đưa vào tính toán cùng với những rủi ro cơ bản (rủi ro liên quan giữa giá cả những hàng hóa tương tự thay đổi theo thời gian), rủi ro lãi suất và rủi ro khe hở kỳ hạn (rủi ro về kỳ hạn có thể thay đổi vì nhiều lý do khác với sự thay đổi lãi suất).

Quy trình quản lý rủi ro phải bao gồm việc phân tích ngữ cảnh thông thường và thử nghiệm khủng hoảng. Các ngữ cảnh có thể được lựa chọn một cách ngẫu nhiên hoặc suy luận thống kê từ việc phân tích dữ liệu lịch sử, hoặc sử dụng kinh nghiệm phân tích những ảnh hưởng của các nhân tố RRTT. Phân tích ngữ cảnh và kiểm nghiệm khủng hoảng phải mang cả tính định lượng và định tính.

3. Vấn đề đặt ra trong giám sát an toàn hoạt động ở các ngân hàng thương mại Việt Nam

Những năm qua, cùng với quá trình hội nhập của lĩnh vực tài chính – ngân hàng, các NHTM Việt Nam ngày càng ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản lý rủi ro và đã có nhiều cố gắng để hoàn thiện công tác này. Thực tế cho thấy rằng, công tác quản trị rủi ro tại các NHTM Việt Nam đã ngày càng đi vào chiều sâu và kết quả đạt được là khá tích cực, giúp hệ thống ngân hàng Việt Nam đứng vững trong những tình huống xấu khi mà nền kinh tế đối diện với các cuộc khủng hoảng tài chính khu vực và toàn cầu. Tuy vậy, thực tiễn cũng đã chỉ ra rằng, công tác quản lý rủi ro tại các NHTM Việt Nam cũng còn nhiều bất cập, cụ thể:

Thứ nhất, hầu hết các NHTM Việt Nam chưa xây dựng được chiến lược quản trị RRTT đúng nghĩa, làm “kim chỉ nam” cho hoạt động quản lý RRTT. Có thể nói, hiện nay các NHTM Việt Nam đều đã chú ý đến công tác quản lý rủi ro và đã xây dựng được các chiến lược quản lý rủi ro cho riêng mình.

Nhưng một thực tế là công tác quản lý rủi ro là một hoạt động phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều mặt hoạt động khác nhau, không chỉ ở nội bộ các NHTM, mà còn liên quan đến yếu tố khách hàng và nền kinh tế. Hay nói cách khác, đây là loại hoạt động có tính chất tổng hợp, đòi hỏi phải có sự phối kết hợp của tất cả các lĩnh vực, các khâu của quá trình kinh doanh; đồng thời, đòi hỏi phải có tư duy nhạy bén, biết phân tích tình hình và đưa ra các dự báo tương lai... Để đạt được các yêu cầu này trong xây dựng và thực thi chiến lược quản lý rủi ro, luôn đòi hỏi trình độ và năng lực cao của các cán bộ ngân hàng. Xét theo điều kiện hiện nay ở hầu hết các NHTM Việt Nam thì có vẻ chưa đáp ứng được một cách toàn diện. Hầu hết các NHTM đều có xu hướng vận dụng máy móc kinh nghiệm các NHTM nước ngoài, sau đó điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều này có mặt lợi là trong điều kiện các NHTM trong nước chưa tự mình tìm tòi được cách thức riêng để quản trị RRTT hữu hiệu, thì học từ kinh nghiệm các nước là một cách đi ngắn nhất để kiểm soát được thực tiễn với chi phí thấp nhất. Nhưng bất cập là ở chỗ: môi trường kinh doanh của hầu hết các NHTM nước ngoài có mô hình quản trị RRTT được các NHTM trong nước nghiên cứu vận dụng là khác biệt đáng kể với điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, năng lực và trình độ quản trị điều hành của hầu hết cán bộ ở các NHTM trong nước còn có khoảng cách khá lớn so với NHTM nước ngoài. Xét cho cùng thì qui trình quản trị là định sẵn, nhưng mỗi nhân tố gắn với qui trình lại có tính “động” Xử lý hài hòa giữa tính bất biến và tính linh hoạt luôn đòi hỏi nhà quản trị phải có đủ trình độ và năng lực, sao cho hoạt động kinh doanh vẫn diễn ra trong an toàn và không ngừng phát triển.

Thứ ba, khung pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh của NHTM mặc dù đã tương đối đồng bộ, nhưng nhìn chung vẫn còn chưa hoàn thiện, cần tiếp tục phải có những bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với

diễn biến thị trường. Điều này gây những khó khăn lớn cho các NHTM và là nhân tố tiềm ẩn rủi ro pháp lý trong kinh doanh. Hiện nay môi trường kinh doanh của các NHTM đang tiềm ẩn rủi ro rất cao, do cạnh tranh giữa các NHTM với nhau và với các định chế tài chính khác trên thị trường là hết sức căng thẳng trong một thị trường nhìn chung còn khá chật hẹp. Hơn nữa, các quy trình về quản lý rủi ro đối với chứng khoán và giá hàng hóa hầu như chưa được các NHTM Việt Nam xây dựng, làm căn cứ triển khai thực hiện quản lý rủi ro đối với các hoạt động này; trong khi các hoạt động này tại thị trường Việt Nam những năm qua tiềm ẩn rủi ro quá cao.

Thứ tư, thông tin là yếu tố có tính quyết định trong quản trị. Hiện nay, tại Việt Nam, nói đến khâu yếu nhất trong quản lý phải nói đến thông tin. Hiện hệ thống thông tin trong quản lý của Việt Nam là rất bất cập. Một khi thông tin không cập nhật, thiếu độ tin cậy thì các quyết định quản lý sẽ không chính xác, rủi ro trên thị trường tài chính sẽ gia tăng do tình trạng thông tin bất cân xứng. Đồng thời, tình trạng này diễn biến liên tục sẽ làm mất hiệu lực của các chính sách quản lý, nhất là chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Có thể nhận thấy là trong những năm qua, khá nhiều chính sách của các cơ quan chức trách ban hành nhưng mức độ tác động vào nền kinh tế hoặc là quá chậm, hoặc là bị mất tác dụng; nguyên do là cơ chế truyền dẫn thông tin thiếu hiệu quả, hiện tượng bị “nhiều xạ” quá lớn, làm sai lệch mục tiêu quản lý. Các thông tin đồn thổi trên thị trường diễn biến phức tạp, khó kiểm soát. Kết quả là thị trường tài chính Việt Nam luôn lúc quá “nóng”, lúc lại quá “lạnh”, gây rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý thị trường. Cũng do hệ thống thông tin thiếu minh bạch, nên gây rất nhiều khó khăn cho các NHTM trong công tác đánh giá RRTT, dẫn đến các NHTM luôn tiềm ẩn RRTT rất cao.

Thứ năm, quản lý RRTT như đã đề cập trên đây là loại hình quản trị phức tạp, đòi hỏi sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ. Tuy nhiên, hiện tại các NHTM Việt Nam thì công nghệ ngân hàng nhìn chung còn khá lạc hậu, lại chắp vá do các NHTM sử dụng các công nghệ nguồn khác nhau. Điều này đã và đang tiếp tục gây bất lợi lớn cho công tác kết nối và giám sát hoạt động.

4. Đề xuất giải pháp quản lý rủi ro thị trường đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam

4.1. Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thị trường phù hợp

Đứng từ góc độ của các nhà xây dựng chiến lược thì có ba bước cần phải làm để thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro: (i) phải thấu hiểu những rủi ro mà ngân hàng đang đối mặt; (ii) phải xây dựng được một chiến lược quản lý rủi ro tổng thể; (iii) cần thiết lập một cơ cấu tổ chức và văn hóa quản lý rủi ro hiệu quả. Theo đó, xây dựng chiến lược quản lý rủi ro là một bước rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động quản lý rủi ro mà ngân hàng triển khai sau đó. Chiến lược quản lý RRTT còn quan trọng ở chỗ nó ảnh hưởng đến tất cả các quyết định đầu tư.

Chiến lược quản lý RRTT cần phải làm rõ các nội dung sau: (i) các dạng rủi ro thị trường mà ngân hàng có thể phải gánh chịu hoặc sẵn sàng gánh chịu để có được lợi thế cho bản thân ngân hàng; (ii) quy mô rủi ro thị trường mà ngân hàng có thể gặp phải và lợi ích mà ngân hàng cần có được khi phải chấp nhận những rủi ro này, lợi ích này nhất định phải lớn hơn chi phí vốn cần có để chấp nhận rủi ro; (iii) giống như các chiến lược khác, chiến lược quản lý RRTT cũng phải được xây dựng trên cơ sở kiểm tra và thử nghiệm trong các bối cảnh thị trường khác nhau. (Xây dựng các kịch bản về bối cảnh thị trường và kinh doanh khác nhau để lựa chọn được các thông số quản lý RRTT phù hợp nhất).

4.2. Xây dựng quy trình quản lý rủi ro đối với chứng khoán và giá hàng hóa

Các NHTM Việt Nam cần thiết phải xây dựng quy trình quản lý rủi ro cho chứng khoán và giá hàng hóa, nhất là đối với công tác quản lý rủi ro chứng khoán, vì thị trường chứng khoán Việt Nam luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc xây dựng quy trình quản lý rủi ro cho chứng khoán và giá hàng hóa cần phải được thực hiện ngay để tạo cơ sở thực hiện đúng nguyên tắc độc lập trong quản lý rủi ro. Quản lý rủi ro chứng khoán và giá hàng hóa phải do bộ phận quản lý RRTT thực hiện, chứ không phải do các đơn vị kinh doanh tự làm. Trong quy trình quản lý rủi ro phải có đầy đủ các nội dung quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan đối với rủi ro phát sinh từ kinh doanh và đầu tư chứng khoán, giá hàng hóa. Những nội dung về trình tự các bước xác lập hạn mức, giám sát tuân thủ hạn mức rủi ro chứng khoán, giá hàng hóa cũng phải được quy định một cách chi tiết trong quy trình.

4.3. Nâng cao chất lượng các báo cáo đánh giá rủi ro thị trường

Hiện tại, các báo cáo đánh giá rủi ro thị trường của hầu hết các NHTM có chất lượng chưa cao, các phân tích, đánh giá thị trường trong báo cáo phần lớn mang tính hình thức vì chưa phân tích đánh giá toàn diện được thị trường. Do vậy, để nâng cao chất lượng các báo cáo đánh giá RRTT, cần phải tăng cường chất lượng báo cáo theo hướng thêm nhiều “giá trị gia tăng” trong báo cáo. Cụ thể, bên cạnh phần báo cáo tuân thủ hạn mức và nhận định nhanh về thị trường, thì báo cáo cần có thêm phần phân tích, nhận định và dự báo thị trường, dự đoán các RRTT sẽ phát sinh trong ngắn hạn. Từ đó, quản lý RRTT có thể đưa ra những tư vấn có giá trị cho bộ phận kinh doanh. Muốn vậy, bộ phận quản lý RRTT phải thực hiện phân tách cán bộ theo từng mảng rủi ro, đảm

bảo mỗi mảng rủi ro có ít nhất một cán bộ phụ trách. Từ đó, các cán bộ phụ trách từng mảng có thể đưa ra các phân tích, đánh giá sát với diễn biến thị trường.

4.4. Xây dựng hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro

Thông tin có ý nghĩa quan trọng bậc nhất trong phòng ngừa RRTT, bởi qua đó có tác dụng cảnh báo sớm các rủi ro có thể xảy ra và có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm giảm tổn thất cho NHTM. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng còn rất nhiều bất cập. Phương hướng là:

(i) Hoàn thiện thông tin về khách hàng. Bất cập hiện nay là NHTM thường thu thập thông tin về khách hàng qua các báo cáo. Chẳng hạn thông tin về tài chính được thu thập qua các báo cáo tài chính của khách hàng, song các báo cáo này không được kiểm toán nên độ tin cậy không cao. Chính vì vậy, làm thế nào để có thể có được các báo cáo tài chính tin cậy từ khách hàng là vấn đề lớn hiện nay. Để khắc phục vấn đề này, đòi hỏi cán bộ ngân hàng, bên cạnh trình độ và năng lực phải đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, thì cần phải tận tâm với nghề và tăng tính trách nhiệm của cán bộ theo từng công việc cụ thể.

(ii) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ hiệu quả cho công tác thu thập và xử lý thông tin khách hàng.

(iii) Tăng cường công tác sàng lọc thông tin, từ đó có thể đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác.

4.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong quản lý rủi ro, thì khâu trọng yếu là chất lượng nguồn nhân lực. Đối với quản lý RRTT ở các NHTM thì chất lượng nguồn nhân lực cần phải được quan tâm đặc biệt: phải bảo đảm đủ về số lượng, giải chuyên môn và nhiệt huyết với công việc. Để đáp ứng yêu cầu này, các NHTM có thể thông qua con đường tuyển dụng mới hoặc đào tạo các cán bộ hiện có thông qua các khóa học. Các mảng cần tập trung đào tạo là: hiểu về sản phẩm kinh doanh của bộ phận kinh doanh trực tiếp, phát triển công cụ quản lý RRTT, kỹ năng phân tích, dự đoán diễn biến thị trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Peter S. Rose: “Quản trị ngân hàng thương mại” Đại học Kinh tế quốc dân, Nxb Tài chính, HN. 2001.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: “Nguyên tắc Basel về quản lý nợ xấu”. Bản tin Thông tin tín dụng (CIC), số 8, tháng 10-2006.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: “Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng”. Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22-4-2005.
4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: “Quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng” Thông tư Số 13/2010/TT-NHNN ngày 20-5-2010.
5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: “Nâng cao năng lực quản trị của các NHTM Việt Nam.” Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb Phương Đông, HN. 2005.